

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin Công ty

| | | |
|-----------------------------|--|---|
| Quyết định số | 3448/QĐ-UB 3449/QĐ-UB | ngày 9 tháng 7 năm 2004 ngày 9 tháng 7 năm 2004 |
| | Quyết định của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. | |
| Giấy phép kinh doanh | 4103002955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp 15 tháng 12 năm 2004, điều chỉnh vào ngày 13 tháng 5 năm 2005, ngày 12 tháng 12 năm 2006, ngày 13 tháng 12 năm 2006, ngày 30 tháng 3 năm 2007, ngày 4 tháng 11 năm 2008. Ngày 15 tháng 10 năm 2009, điều chỉnh lần thứ 6, số giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh và đăng kí thuế là 0301154821. | |
| Hội đồng Quản trị | Ông Nguyễn Vĩnh Thọ Ông Tề Trí Dũng Bà Hoàng Thị Thảo Ông Lê Điền Ông Nguyễn Bình Minh Ông Trần Kim Thành Ông Võ Hiến Ông Lương Quang Hiến | Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 10 tháng 7 năm 2009) Thành viên (từ ngày 10 tháng 7 năm 2009) |
| Ban Giám đốc | Ông Nguyễn Vĩnh Thọ Ông Nguyễn Bình Minh Ông Tạ Phước Đạt Ông Võ Hiến Ông Phan Tuấn Dũng Ông Mai Việt Hà | Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc |
| Ban Kiểm soát | Ông Lê Xuân Đức Bà Nguyễn Phương Loan Ông Nguyễn Phúc Hưng | Trưởng Ban Thành viên Thành viên |
| Trụ sở đăng ký | 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam | |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam | |



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban điều hành, cũng như đánh giá tổng quan việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-153



Lucas Kurniawan

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1583/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 18 tháng 3 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|-------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 100 | | 198.127.030.774 | 205.635.219.756 |
| Tiền và tương đương tiền | 110 | 3 | 44.870.931.665 | 11.077.062.364 |
| Đầu tư ngắn hạn | 120 | 4 | 35.631.232.088 | 45.510.970.180 |
| Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 52.920.232.088 | 66.039.911.788 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (17.289.000.000) | (20.528.941.608) |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 107.316.124.748 | 140.484.995.220 |
| Phải thu thương mại | 131 | 5 | 12.315.909.336 | 10.083.079.590 |
| Trả trước cho người bán | 132 | 6 | 50.858.139.326 | 102.787.198.886 |
| Phải thu khác | 135 | 7 | 53.035.117.618 | 27.674.003.549 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 139 | 8 | (8.893.041.532) | (59.286.805) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 7.762.208.117 | 3.622.217.867 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.546.534.156 | 4.939.974.125 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 276.030.000 | 780.620.778 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 982.404.156 | 335.892.680 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.288.100.000 | 3.823.460.667 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 VNĐ | 31/12/2008 VNĐ |
|-----------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn | 200 | | 1.195.720.783.652 | 1.009.639.229.087 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 5.906.653.139 | 17.081.269.503 |
| Phải thu khác | 218 | | 5.906.653.139 | 17.081.269.503 |
| Tài sản cố định | 220 | | 325.493.635.341 | 301.389.242.312 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 4.602.055.814 | 4.189.491.350 |
| Nguyên giá | 222 | | 10.319.663.198 | 9.260.666.096 |
| Khấu hao lũy kế | 223 | | (5.717.607.384) | (5.071.174.746) |
| Tài sản cố định vô hình | 221 | 11 | 45.739.710.372 | 46.699.438.910 |
| Nguyên giá | 222 | | 46.648.229.490 | 46.699.438.910 |
| Phân bổ lũy kế | 223 | | (908.519.118) | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 12 | 275.151.869.155 | 250.500.312.052 |
| Bất động sản đầu tư | 240 | 13 | 97.802.040.681 | 38.521.026.609 |
| Nguyên giá | 241 | | 113.259.450.328 | 50.825.805.393 |
| Khấu hao lũy kế | 242 | | (15.457.409.647) | (12.304.778.784) |
| Đầu tư dài hạn | 250 | 14 | 754.986.602.823 | 639.045.122.631 |
| Đầu tư vào các công ty con | 251 | | 106.960.467.883 | 101.260.417.883 |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 252 | | 220.860.194.279 | 220.860.194.279 |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 517.266.465.887 | 433.690.213.123 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259 | | (90.100.525.226) | (116.765.702.654) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 11.531.851.668 | 13.602.568.032 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 120.913.381 | 269.762.548 |
| Tài sản thuế hoãn lại | 262 | 15 | 10.902.658.287 | 12.924.525.484 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | 508.280.000 | 408.280.000 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 1.393.847.814.426 | 1.215.274.448.843 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

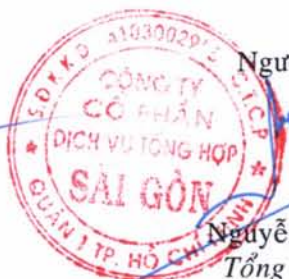
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 VNĐ | 31/12/2008 VNĐ |
|----------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 754.177.126.878 | 756.592.661.150 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 164.556.101.325 | 234.741.871.935 |
| Vay ngắn hạn | 311 | 16 | 72.483.112.000 | 90.727.849.233 |
| Phải trả thương mại | 312 | | 2.594.170.421 | 6.419.845.958 |
| Tạm ứng từ khách hàng | 313 | | 711.306.821 | 1.189.004.937 |
| Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước | 314 | 17 | 9.718.321.664 | 11.680.081.749 |
| Phải trả nhân viên | 315 | | 31.307.460.190 | 29.618.661.646 |
| Chi phí trích trước | 316 | 18 | 5.232.545.239 | 5.320.724.927 |
| Phải trả khác | 319 | 19 | 42.509.184.990 | 89.785.703.485 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 589.621.025.553 | 521.850.789.215 |
| Nợ dài hạn khác | 333 | 20 | 292.613.014.599 | 197.099.453.336 |
| Vay dài hạn | 334 | 21 | 297.008.010.954 | 324.751.335.879 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 639.670.687.548 | 458.681.787.693 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | | 634.801.842.318 | 453.096.797.043 |
| Vốn cổ phần | 411 | 22 | 249.955.730.000 | 203.610.400.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 22 | 317.064.858.303 | 180.876.300.000 |
| Cổ phiếu ngân quỹ | 414 | | (16.000) | (3.544.746.277) |
| Quỹ đầu tư và phát triển | 417 | | 14.731.614.307 | 14.731.614.307 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 5.218.459.791 | 5.218.459.791 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 47.831.195.917 | 52.204.769.222 |
| Nguồn kinh phí sự nghiệp | 430 | | 4.868.845.230 | 5.584.990.650 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 431 | | 4.868.845.230 | 5.584.990.650 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.393.847.814.426 | 1.215.274.448.843 |

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|---|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| Tổng doanh thu | 01 | 23 | 157.752.251.591 | 106.626.557.003 |
| Các khoản giảm trừ | 02 | 23 | (126.983.050) | (24.171.100) |
| Doanh thu thuần | 10 | | 157.625.268.541 | 106.602.385.903 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | (81.997.193.465) | (63.764.527.948) |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 75.628.075.076 | 42.837.857.955 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 34.947.191.343 | 95.662.787.823 |
| Chi phí hoạt động tài chính | 22 | 26 | (36.053.660.901) | (192.543.205.977) |
| Chi phí bán hàng | 24 | | (1.914.316.281) | (1.349.595.517) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | (36.966.014.638) | (17.783.736.436) |
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 35.641.274.599 | (73.175.892.152) |
| Kết quả từ các hoạt động khác | 40 | | | |
| Thu nhập khác | 31 | 27 | 3.413.331.469 | 101.882.275.688 |
| Chi phí khác | 32 | | (957.496.474) | (3.996.892.796) |
| Lợi nhuận trước thuế | 50 | | 38.097.109.594 | 24.709.490.740 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 28 | (9.515.792.465) | (6.838.305.846) |
| (Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại | 52 | 28 | (2.021.867.197) | 12.901.233.395 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 26.559.449.932 | 30.772.418.289 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 29 | 1.266 | 1.722 |

Người lập:

[Signature]

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:

[Signature]

Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Vốn cổ phần VNĐ | Thặng dư vốn cổ phần VNĐ | Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ | Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ | Quỹ dự phòng tài chính VNĐ | Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ | Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ | Tổng VNĐ |
|---|--------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008 | 148.734.100.000 | 120.000.000.000 | (2.801.612.500) | 11.292.223.989 | 2.578.628.386 | 56.186.059.809 | 2.457.215.036 | 338.446.614.720 |
| Phát hành cổ phiếu | 54.876.300.000 | 60.876.300.000 | - | - | - | - | - | 115.752.600.000 |
| Mua lại cổ phiếu | - | - | (743.133.777) | - | - | - | - | (743.133.777) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 30.772.418.289 | - | 30.772.418.289 |
| Phân bổ cho các quỹ | - | - | - | 3.439.390.318 | 2.639.831.405 | (11.358.884.533) | 5.279.662.810 | - |
| Cổ tức | - | - | - | - | - | (21.810.925.500) | - | (21.810.925.500) |
| Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | - | - | (1.583.898.843) | - | (1.583.898.843) |
| Sử dụng quỹ trong năm | - | - | - | - | - | - | (2.151.887.196) | (2.151.887.196) |
| Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009 | 203.610.400.000 | 180.876.300.000 | (3.544.746.277) | 14.731.614.307 | 5.218.459.791 | 52.204.769.222 | 5.584.990.650 | 458.681.787.693 |
| Phát hành cổ phiếu | 46.345.330.000 | 131.090.336.580 | - | - | - | - | - | 177.435.666.580 |
| Phát hành cổ phiếu ngân quỹ | - | 5.098.221.723 | 3.544.730.277 | - | - | - | - | 8.642.952.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 26.559.449.932 | - | 26.559.449.932 |
| Phân bổ cho các quỹ | - | - | - | - | - | (1.787.118.490) | 1.787.118.490 | - |
| Cổ tức (Thuyết minh 30) | - | - | - | - | - | (28.609.769.200) | - | (28.609.769.200) |
| Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | - | - | (536.135.547) | - | (536.135.547) |
| Sử dụng quỹ trong năm | - | - | - | - | - | - | (2.503.263.910) | (2.503.263.910) |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009 | 249.955.730.000 | 317.064.858.303 | (16.000) | 14.731.614.307 | 5.218.459.791 | 47.831.195.917 | 4.868.845.230 | 639.670.687.548 |

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

| | Mã số | Thuyết minh | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|--|-----------|----------------|-----------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 38.097.109.594 | 24.709.490.740 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 4.826.326.585 | 4.491.786.860 |
| Dự phòng | 03 | | (21.071.364.309) | 117.631.098.651 |
| Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản | 05 | | 1.450.977.100 | (22.628.627.104) |
| Xóa sổ tài sản cố định | 05 | | 135.321.454 | 2.419.165.711 |
| Lãi tiền gửi và cổ tức | 05 | | (24.807.945.480) | (67.209.369.857) |
| Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư khác | 05 | | 23.376.846.420 | (117.321.888.384) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 31.893.430.766 | 61.245.490.785 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 53.900.702.130 | 3.337.147.402 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | | (14.058.592.973) | 19.062.064.993 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (4.139.990.250) | 1.579.792.497 |
| Biến động phải trả và nợ khác | 11 | | 32.973.692.772 | 78.686.950.312 |
| | | | 68.675.811.679 | 102.665.955.204 |
| Lãi vay đã trả | 13 | | (35.347.939.142) | (62.332.291.579) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (7.416.679.175) | (1.410.762.306) |
| Chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (3.039.399.457) | (3.735.786.039) |
| Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 22.871.793.905 | 35.187.115.280 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | 2009 VND | 2008 VND |
|--|-----------|----------------|--------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (33.855.232.280) | (174.295.560.340) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 545.454.540 | 37.335.784.000 |
| Biến động tài sản dài hạn khác | | | 1.333.914.756 | (11.299.366.354) |
| Tiền thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán | | | 5.478.152.130 | 11.769.702.402 |
| Tiền chi đầu tư dài hạn khác | | | (105.011.621.614) | - |
| Tiền thu từ khoản đầu tư vào các đơn vị khác | 25 | | - | 55.003.961.414 |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 18.178.090.042 | 34.668.979.857 |
| Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư | 30 | | (112.512.942.026) | (46.816.499.021) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 31 | | 177.435.666.580 | 115.752.600.000 |
| Tiền phát hành/(mua lại) cổ phiếu ngân quỹ | 32 | | 8.642.952.000 | (743.133.777) |
| Tiền vay ngắn hạn và dài hạn | 33 | | 82.800.857.370 | 717.847.311.581 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (128.788.919.528) | (805.973.768.091) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | (16.655.539.000) | (21.442.348.500) |
| Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính | 40 | | 123.435.017.422 | 5.440.661.213 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | 2009 VND | 2008 VND |
|-----------------------------------|-------|-------------|----------------|-----------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 33.793.869.301 | (6.188.722.528) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 11.077.062.364 | 17.265.784.892 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 3 | 44.870.931.665 | 11.077.062.364 |

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004 do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ - Thương mại: Tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa, bảo trì theo tiêu chuẩn quốc tế về ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu ô tô như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Huyndai và các nhãn hiệu xe gắn máy SYM, Suzuki, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế bên cạnh việc phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi, tổ chức hệ thống máy bán lẻ tự động;
- Dịch vụ bất động sản: Đầu tư, hợp tác, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như: Dịch vụ - thương mại, bất động sản, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2009.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty có 128 nhân viên (2008: 166 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Công ty với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán có giao dịch phổ biến trên thị trường được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp giá đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 2 – 7 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(n) Thuế

Thuế thu nhập tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê đã chi trả được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

(t) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết và cổ đông có khả năng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến Công ty, các công ty con, công ty liên kết của công ty đó.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền và tương đương tiền

| | 31/12/2009 VNĐ | 31/12/2008 VNĐ |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 995.753.349 | 2.196.349.655 |
| Tiền gửi ngân hàng | 6.875.178.316 | 8.880.712.709 |
| Các khoản tương đương tiền | 37.000.000.000 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 44.870.931.665 | 11.077.062.364 |

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số ngoại tệ tương đương 55 triệu VNĐ (31/12/2008: 68 triệu VNĐ)

4. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|-------------------------|-----------------|----------------|
| Số dư đầu năm | 20.528.941.608 | 2.110.850.000 |
| Tăng dự phòng trong năm | - | 18.418.091.608 |
| Hoàn nhập | (3.239.941.608) | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 17.289.000.000 | 20.528.941.608 |

Trong các khoản đầu tư ngắn hạn có khoản đầu tư với giá trị ghi sổ 28.204 triệu VNĐ (31/12/2008: 6.196 triệu VNĐ) chưa được niêm yết hoặc giao dịch rộng rãi trên thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đầu tư ngắn hạn với mệnh giá 7.800 triệu VNĐ (31/12/2008: 39.009 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

5. Phải thu thương mại

Phải thu thương mại từ các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 4.778 triệu VNĐ (2008: 3.418 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

6. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 48.030 triệu VNĐ (31/12/2008: 100.760 triệu VNĐ).

7. Phải thu khác

Phải thu khác từ các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 32.107 triệu VNĐ (31/12/2008: 7.455 triệu VNĐ).

8. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|-------------------|---------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 59.286.805 | 1.641.344.095 |
| Tăng trong năm | 8.833.754.727 | - |
| Sử dụng trong năm | - | (1.582.057.290) |
| Số dư cuối năm | 8.893.041.532 | 59.286.805 |

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2009 VNĐ | 31/12/2008 VNĐ |
|----------|-------------------|-------------------|
| Vật tư | 52.088.606 | 47.024.502 |
| Hàng hóa | 7.710.119.511 | 3.575.193.365 |
| | 7.762.208.117 | 3.622.217.867 |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa VNĐ | Thiết bị văn phòng VNĐ | Phương tiện vận chuyển VNĐ | Tổng VNĐ |
|------------------------|----------------|------------------------------|----------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.136.232.157 | 2.063.906.389 | 2.060.527.550 | 9.260.666.096 |
| Tăng trong năm | - | 846.188.738 | 878.626.244 | 1.724.814.982 |
| Thanh lý | (105.789.054) | (545.454.540) | - | (651.243.594) |
| Xóa sổ | - | (14.574.286) | - | (14.574.286) |
| Số dư cuối năm | 5.030.443.103 | 2.350.066.301 | 2.939.153.794 | 10.319.663.198 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.545.450.175 | 1.107.720.282 | 1.418.004.289 | 5.071.174.746 |
| Khấu hao trong năm | 213.858.276 | 253.251.582 | 298.066.746 | 765.176.604 |
| Thanh lý | (105.789.054) | - | - | (105.789.054) |
| Xóa sổ | - | (12.954.912) | - | (12.954.912) |
| Số dư cuối năm | 2.653.519.397 | 1.348.016.952 | 1.716.071.035 | 5.717.607.384 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư cuối năm | 2.376.923.706 | 1.002.049.349 | 1.223.082.759 | 4.602.055.814 |
| Số dư đầu năm | 2.590.781.982 | 956.186.107 | 642.523.261 | 4.189.491.350 |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.829 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 1.907 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 1.672 triệu VNĐ (31/12/2008: 1.838 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ | Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ | Tổng VNĐ |
|------------------------|---|---|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 14.634.054.300 | 32.065.384.610 | 46.699.438.910 |
| Xóa sổ | - | (51.209.420) | (51.209.420) |
| | 14.634.054.300 | 32.014.175.190 | 46.648.229.490 |
| Phân bổ lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | - | - |
| Phân bổ trong năm | - | 908.519.118 | 908.519.118 |
| | - | 908.519.118 | 908.519.118 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư cuối năm | 14.634.054.300 | 31.105.656.072 | 45.739.710.372 |
| Số dư đầu năm | 14.634.054.300 | 32.065.384.610 | 46.699.438.910 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 45.739 triệu VNĐ (31/12/2008: 46.699 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|---------------------------------|-----------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 250.500.312.052 | 128.131.845.025 |
| Tăng trong năm | 32.130.417.298 | 156.106.905.189 |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (5.882.581.928) | (32.758.995.141) |
| Chuyển sang đầu tư dài hạn khác | (818.300.400) | - |
| Thanh lý | (695.485.207) | - |
| Xóa sổ | (82.492.660) | (979.443.021) |
| | 275.151.869.155 | 250.500.312.052 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ 161.013 triệu VNĐ (31/12/2008: 132.999 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Trong năm, tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 17.979 triệu VNĐ (2008: 23.738 triệu VNĐ)

13. Bất động sản đầu tư

| | Quyền sử dụng đất VNĐ | Nhà cửa VNĐ | Tổng VNĐ |
|---|-----------------------------|----------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | - | 50.825.805.393 | 50.825.805.393 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 462.106.962 | 5.420.474.966 | 5.882.581.928 |
| Chuyển từ khoản trả trước cho nhà cung cấp | 57.306.554.900 | - | 57.306.554.900 |
| Thanh lý | (462.106.962) | (293.384.931) | (755.491.893) |
| Số dư cuối năm | 57.306.554.900 | 55.952.895.428 | 113.259.450.328 |
| Khấu hao lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 12.304.778.784 | 12.304.778.784 |
| Khấu hao trong năm | - | 3.152.630.863 | 3.152.630.863 |
| Số dư cuối năm | - | 15.457.409.647 | 15.457.409.647 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư cuối năm | 57.306.554.900 | 40.495.485.781 | 97.802.040.681 |
| Số dư đầu năm | - | 38.521.026.609 | 38.521.026.609 |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định bởi không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 4.893 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ 83.487 triệu VNĐ (31/12/2008: 23.150 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn

| | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào: | | |
| ▪ Các công ty con | 106.960.467.883 | 101.260.417.883 |
| ▪ Các công ty liên kết | 220.860.194.279 | 220.860.194.279 |
| Trái phiếu công ty dài hạn | - | 1.000.000.000 |
| Trái phiếu kho bạc dài hạn | 150.000.000 | 150.000.000 |
| Các khoản đầu tư dài hạn khác | 517.116.465.887 | 432.540.213.123 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 845.087.128.049 | 755.810.825.285 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | (90.100.525.226) | (116.765.702.654) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 754.986.602.823 | 639.045.122.631 |
| | <hr/> | <hr/> |

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và không niêm yết).

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

| | 2009 | 2008 |
|-------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 116.765.702.654 | 15.930.876.321 |
| Tăng dự phòng trong năm | - | 100.834.826.333 |
| Hoàn nhập | (26.665.177.428) | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 90.100.525.226 | 116.765.702.654 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, đầu tư vào công ty liên kết với mệnh giá 13.713 triệu VND và đầu tư dài hạn khác với mệnh giá 60.730 triệu VND (31/12/2008: lần lượt là 16.799 triệu VND và 168.628 triệu VND) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

| Tên | Hoạt động chính | Giấy phép đầu tư | % vốn | 31/12/2009 VND | Số tiền 31/12/2008 VND |
|--|---|---|--------------|--------------------------|--|
| Các công ty con | | | | | |
| Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD) | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và 26 tháng 4 năm 2005. | 52.05% | 6.952.245.883 | 6.952.245.883 |
| Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP) | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998. | 51% | 9.248.504.000 | 9.248.504.000 |
| Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM DAEWOO) | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu GM-Daewoo. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003. | 55% | 4.400.000.000 | 4.400.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ và Bán lẻ tự động Savico Iagripo (Savico-R) | Kinh doanh động cơ điện, máy bán hàng tự động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và dịch vụ cho thuê văn phòng. | Giấy phép Kinh doanh số 4102034948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và điều chỉnh ngày 19 tháng 1 năm 2006 và 12 tháng 10 năm 2007. | 99% | 9.900.000.000 | 9.900.000.000 |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

| Tên | Hoạt động chính | Giấy phép đầu tư | % vốn | Số tiền | |
|--|--|---|-------|-------------------|-------------------|
| | | | | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
| Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI) | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu Hyundai Mua, bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009 | 51% | 5.100.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ) | Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu YAMAHA. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy. | Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006. | 70% | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao | Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SUZUKI. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy. | Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008. | 55% | 8.250.050.000 | 7.650.000.000 |
| Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông (*) | Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu HONDA. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy. | Giấy phép Kinh doanh số 4102055390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 | 55% | - | - |
| Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp, đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đầu xe. | Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2007. | 70% | 35.000.000.000 | 35.000.000.000 |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

| Tên | Hoạt động chính | Giấy phép đầu tư | % vốn | Số tiền | |
|---|---|---|--------|-------------------|-------------------|
| | | | | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
| Công ty TNHH Toyota Cần Thơ | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô. | Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007. | 51% | 25.309.668.000 | 25.309.668.000 |
| | | | | 106.960.467.883 | 101.260.417.883 |
| Các công ty liên kết | | | | | |
| Công ty TNHH Siêu xe | Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008. | 37.5% | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (SYM) | Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SYM. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy. | Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006. | 37.33% | 1.120.000.000 | 1.120.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD) | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007. | 40.27% | 3.221.600.000 | 3.221.600.000 |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

| Tên | Hoạt động chính | Giấy phép đầu tư | % vốn | Số tiền | |
|---|--|---|--------|-------------------|-------------------|
| | | | | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
| Công ty liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi | Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam. | Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005. | 40.19% | 31.750.000.000 | 31.750.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC) | Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí. | Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001. | 49% | 1.526.885.279 | 1.526.885.279 |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC) | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007. | 35.16% | 16.798.709.000 | 16.798.709.000 |
| Công ty TNHH Savico-Vinaland | Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan. | Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008. | 49.50% | 164.043.000.000 | 164.043.000.000 |
| | | | | 220.860.194.279 | 220.860.194.279 |

(*) Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông là công ty con của Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao. Công ty có quyền kiểm soát gián tiếp, nhưng không trực tiếp góp vốn, đối với Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

15. Tài sản thuế hoãn lại

| | 31/12/2009 VNĐ | 31/12/2008 VNĐ |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn | - | 12.924.525.484 |
| Lỗi tính thuế mang sang | 10.343.542.460 | - |
| Chi phí trích trước | 559.115.827 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 10.902.658.287 | 12.924.525.484 |

16. Vay ngắn hạn

| | 31/12/2009 VNĐ | 31/12/2008 VNĐ |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Vay ngắn hạn không có đảm bảo | 1.807.919.000 | 1.800.000.000 |
| Vay ngắn hạn có đảm bảo | 35.000.000.000 | 54.500.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 36.807.919.000 | 56.300.000.033 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21) | 35.675.193.000 | 34.427.849.200 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 72.483.112.000 | 90.727.849.233 |

Vay ngắn hạn có đảm bảo bởi các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mệnh giá lần lượt là 7.800 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ (31/12/2008: đảm bảo bởi khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mệnh giá lần lượt là 39.009 triệu VNĐ và 168.628 triệu VNĐ).

Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất từ 3,6% đến 12% (2008: từ 3,6% đến 18%) một năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

17. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 11.818.550 | 2.119.631.418 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 769.083.978 | 2.722.144.485 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.937.419.136 | 6.838.305.846 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 9.718.321.664 | 11.680.081.749 |

18. Chi phí trích trước

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|-----------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 698.291.969 | 4.152.800.345 |
| Chi phí thuê | 2.442.681.389 | 867.510.832 |
| Phí kiểm toán | 660.123.750 | 300.413.750 |
| Chi phí khác | 1.431.448.131 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 5.232.545.239 | 5.320.724.927 |

19. Phải trả khác

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu chưa thực hiện (a) | 3.437.516.819 | 2.489.583.283 |
| Cổ tức phải trả | 12.854.437.200 | 900.207.000 |
| Phải trả công ty liên quan (b) | 20.000.000.000 | 58.685.651.862 |
| Khác | 6.217.230.971 | 27.710.261.340 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 42.509.184.990 | 89.785.703.485 |

- a. Doanh thu chưa thực hiện phản ánh doanh thu từ thuê đất nhận trước.
- b. Phải trả công ty liên quan chịu lãi suất 0,875% (2008: không chịu lãi suất) một tháng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

20. Nợ dài hạn khác

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|--------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu nhận trước | 203.800.839.751 | 157.832.713.327 |
| Ký quỹ dài hạn nhận được | 10.011.121.947 | 11.555.453.066 |
| Phải trả dài hạn khác | 78.801.052.901 | 27.711.286.943 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 292.613.014.599 | 197.099.453.336 |
| | <hr/> | <hr/> |

21. Vay dài hạn

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Vay dài hạn không có đảm bảo | 49.537.878.075 | 63.000.000.000 |
| Vay dài hạn có đảm bảo | 283.145.325.879 | 296.179.185.079 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 332.683.203.954 | 359.179.185.079 |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng | (35.675.193.000) | (34.427.849.200) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Hoàn trả sau 12 tháng | 297.008.010.954 | 324.751.335.879 |
| | <hr/> | <hr/> |

Vay dài hạn có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 305.624 triệu VNĐ (31/12/2008: 221.485 triệu VNĐ).

Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất từ 10.5% đến 14.1% (2008: 12.75% tới 18%) một năm.

Thời hạn hoàn trả các khoản vay dài hạn như sau:

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Trong vòng một năm | 35.675.193.000 | 34.427.849.200 |
| Từ hai đến năm năm | 222.567.125.954 | 237.644.814.000 |
| Trên năm năm | 74.440.885.000 | 87.106.521.879 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 332.683.203.954 | 359.179.185.079 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)****22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và cổ phiếu đã phát hành là:

| | 31/12/2009 | | 31/12/2008 | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành | 24.995.573 | 249.955.730.000 | 20.361.040 | 203.610.400.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 24.995.573 | 249.955.730.000 | 20.361.040 | 203.610.400.000 |
| Cổ phiếu ngân quỹ | (1) | (16.000) | (221.061) | (3.544.746.277) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 24.995.572 | 249.955.714.000 | 20.139.979 | 200.065.653.723 |

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

| | 2009 | | 2008 | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 20.139.979 | 200.065.653.723 | 14.676.170 | 145.932.487.500 |
| Cổ phiếu phát hành trong năm | 4.634.533 | 46.345.330.000 | 5.487.630 | 54.876.300.000 |
| Cổ phiếu ngân quỹ mua lại trong năm | - | - | (23.821) | (743.133.777) |
| Cổ phiếu ngân quỹ tái phát hành trong năm | 221.060 | 3.544.730.277 | - | - |
| Số dư cuối năm | 24.995.572 | 249.955.714.000 | 20.139.979 | 200.065.653.723 |

Tháng 8 năm 2009, Công ty phát hành lại cổ phiếu ngân quỹ, thu về 8.642.952.000 VNĐ, vượt trên mệnh giá là 5.098.221.723 VNĐ. Phần chênh lệch này được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Tháng 10 năm 2009, Công ty phát hành 4.634.533 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và cổ đông mới. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá, tổng cộng là 131.090.336.580 VNĐ được ghi vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần, thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2009 | 2008 |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán hàng | 65.401.457.067 | 35.192.859.866 |
| ▪ Dịch vụ | 16.229.334.220 | 9.451.335.134 |
| ▪ Dịch vụ bất động sản đầu tư | 76.121.460.304 | 61.982.362.003 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 157.752.251.591 | 106.626.557.003 |
| Các khoản giảm trừ | (126.983.050) | (24.171.100) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Doanh thu thuần | 157.625.268.541 | 106.602.385.903 |
| | <hr/> | <hr/> |

24. Giá vốn hàng bán

| | 2009 | 2008 |
|--------------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Hàng hóa đã bán | 59.385.617.675 | 29.193.600.352 |
| Dịch vụ cung cấp | 18.007.967.827 | 16.354.618.554 |
| Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư | 3.152.630.863 | 3.548.914.146 |
| Tài sản cố định thanh lý | 1.450.977.100 | 14.707.156.896 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (39.762.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 81.997.193.465 | 63.764.527.948 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2009 VND | 2008 VND |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thu lãi tiền gửi từ ngân hàng | 976.766.029 | 351.617.528 |
| Thu nhập từ các đầu tư khác | - | 18.432.567.395 |
| Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán | 10.135.681.200 | 10.016.083.370 |
| Cổ tức | 23.831.179.451 | 66.857.752.329 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 3.564.663 | 4.767.201 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 34.947.191.343 | 95.662.787.823 |

26. Chi phí hoạt động tài chính

| | 2009 VND | 2008 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay ngân hàng | 31.893.430.766 | 61.245.490.785 |
| Lỗ từ kinh doanh chứng khoán | 33.512.527.620 | 11.702.276.822 |
| Dự phòng đầu tư ngắn hạn và dài hạn | - | 119.252.917.941 |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn và dài hạn | (29.905.119.036) | - |
| Chi phí kinh doanh chứng khoán | 480.019.438 | 184.105.559 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 72.802.113 | 158.414.870 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 36.053.660.901 | 192.543.205.977 |

27. Thu nhập khác

| | 2009 VND | 2008 VND |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thu nhập từ dự án Savico - Vinaland | 2.244.645.000 | 100.759.620.000 |
| Thu nhập khác | 1.168.686.469 | 1.222.655.688 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 3.413.331.469 | 101.882.275.688 |

Thu nhập từ dự án Savico – Vinaland liên quan đến lãi do đánh giá quyền khai thác dự án đem góp vốn vào Savico – Vinaland, một công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2009 | 2008 |
|---|----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 8.592.848.720 | 6.838.305.846 |
| Dự phòng thiếu năm trước | 922.943.745 | - |
| | <hr/> 9.515.792.465 | <hr/> 6.838.305.846 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại | | |
| Ghi nhận các khoản chênh lệch tạm thời | (559.115.827) | (12.924.525.484) |
| Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | 6.614.006.787 | - |
| Lợi ích hay lỗ thuế được ghi nhận | (10.343.542.460) | - |
| Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại | 6.310.518.697 | 23.292.089 |
| | <hr/> 2.021.867.197 | <hr/> (12.901.233.395) |
| Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập | <hr/> 11.537.659.662 | <hr/> (6.062.927.549) |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2009 | 2008 |
|---|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 38.097.109.594 | 24.709.490.740 |
| Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty | 9.524.277.399 | 6.918.657.407 |
| Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất trên thu nhập khác | - | 799.485.914 |
| Chi phí không được khấu trừ | 65.856.319 | 81.231.742 |
| Thu nhập không chịu thuế | (2.978.897.431) | (10.188.976.127) |
| Ảnh hưởng của việc ưu đãi thuế | (2.307.039.067) | (3.673.326.485) |
| Dự phòng thiếu trong năm trước | 922.943.745 | - |
| Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại | 6.310.518.697 | - |
| | <hr/> 11.537.659.662 | <hr/> (6.062.927.549) |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa và do đó Công ty được giảm 30 phần trăm chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn của năm 2008 và cả năm 2009. Khoản thuế được giảm cho quý bốn năm 2008 được tính dựa trên một phần tư lợi nhuận chịu thuế của năm theo hướng dẫn trong Thông tư 03.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập cho năm năm, từ 2007 đến 2011.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

| | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|---------------------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 26.559.449.932 | 30.772.418.289 |

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

| | 2009 | 2008 |
|---|------------|------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm | 20.139.979 | 14.676.170 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 5 năm 2008 | - | (1.133) |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 5 năm 2008 | - | 3.201.118 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2008 | - | (1.119) |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2008 | - | (452) |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 9 năm 2008 | - | (853) |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 10 năm 2008 | - | (1.553) |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 11 năm 2008 | - | (463) |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu bán ra vào tháng 8 năm 2009 | 73.687 | - |
| hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 10 năm 2009 | 772.422 | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm | 20.986.088 | 17.871.715 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

30. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức là 16.112 triệu VNĐ (8% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 20 tháng 5 năm 2009, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Hội đồng Quản trị của Công ty họp ngày 25 tháng 12 năm 2009 quyết định chia cổ tức là 12.498 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 15 tháng 1 năm 2010, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

| | 2009 | 2008 |
|------------------------------|---------------|---------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | 2.101.842.000 | 1.655.309.224 |
| Thành viên Ban Giám đốc | 953.000.000 | 731.580.512 |
| Thành viên Ban Kiểm soát | 92.000.000 | 72.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 3.146.842.000 | 2.458.889.736 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 2009 VNĐ | 2008 VNĐ |
|---|------------------|--|---|-------------------------------------|
| Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sài Gòn | Công ty con | Nhận cổ tức từ công ty con Mua hàng hóa từ công ty con | 537.180.000 4.953.831.815 | 196.000.000 - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ bán lẻ tự động Savico | Công ty con | Tiền thuê thu từ công ty con | 140.000.000 | 381.095.000 |
| Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô | Công ty con | Tiền thuê thu từ công ty con Nhận cổ tức từ công ty con | 1.200.000.000 3.383.250.000 | 1.200.000.000 5.074.875.000 |
| Công ty Cổ phần Ngôi Sao Sài Gòn | Công ty con | Nhận cổ tức từ công ty con Tiền thuê thu từ công ty con Chi phí lãi vay phải trả cho công ty con | 990.006.000 1.301.158.000 56.056.355 | 1.224.000.000 1.120.226.546 - |
| Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | Công ty con | Cho vay công ty con Chi phí lãi vay phải trả cho công ty con | 10.000.000.000 852.766.667 | - 1.624.000.000 |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | Công ty liên kết | Nhận cổ tức từ công ty liên kết Mua hàng từ công ty liên kết Bán hàng cho công ty liên kết | 1.371.390.000 922.307.388 132.484.000 | 7.159.696.800 - - |
| Công ty liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi | Công ty liên kết | Tiền thuê thu từ công ty liên kết | 2.184.202.774 | 1.828.939.872 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico | Công ty liên kết | Nhận cổ tức từ công ty liên kết Hoa hồng nhận từ công ty liên kết | 896.000.000 1.652.773.650 | 224.000.000 494.919.500 |
| Công ty Cổ Phần Dana | Công ty liên kết | Nhận cổ tức từ công ty liên kết | 1.819.647.182 | 838.800.110 |
| Công ty TNHH Savico – Vinaland | Công ty liên kết | Phí tư vấn thu từ công ty liên kết | 3.156.603.624 | - |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

32. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 5.187.243.942 | 4.747.295.160 |
| Từ hai đến năm năm | 6.741.108.489 | 9.460.520.256 |
| Trên năm năm | 12.404.123.932 | 12.102.816.816 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 24.332.476.363 | 26.310.632.232 |

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2009 | 2008 |
|--------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí mua hàng hóa | 60.836.594.775 | 46.331.039.752 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 15.750.904.063 | 8.782.190.736 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 4.826.326.585 | 4.491.786.860 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 23.500.142.276 | 20.543.287.252 |
| Các chi phí khác | 15.963.556.685 | 2.749.555.301 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

34. Số liệu so sánh

Bảng cân đối kế toán

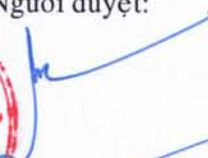
| | 31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ | 31/12/2008 (đã được trình bày trước đây) VNĐ |
|------------------------------------|--------------------------------------|---|
| Phải thu khách hàng dài hạn | | |
| Phải thu thương mại | - | 17.081.269.503 |
| Phải thu khác | 17.081.269.503 | - |
| | <hr/> | <hr/> |

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

